

3	Các khoản thu khác ngoài học phí	0	0
---	----------------------------------	---	---

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học bao gồm học phí, các khoản thu ngoài học phí với người học:

STT	Nội dung các khoản thu	Năm báo cáo NH 2024-2025	Năm trước liền kề năm báo cáo NH 2023-2024
1	Thu khác (ngoài học phí)		
	Thu BHYT mức thu đối với học sinh từ lớp 2-5	631.800đ/hs/năm	884.520 đ/hs/ năm
	Thu BHYT mức thu đối với học sinh lớp 1 (15 tháng)	789.750đ/hs/năm	1.105.650đ/hs/năm
	Thu BHYT mức thu đối với học sinh lớp 1 (14 tháng)	737.100đ/hs/năm	1.031.940đ/hs.năm
	Thu BHYT mức thu đối với học sinh lớp 1 (13 tháng)	684.450đ/hs/năm	958.230đ/hs/năm
	Thu BHYT mức thu đối với học sinh lớp 1 (12 tháng)	631.800đ/hs/năm	884.520đ/hs/năm
	Mức thu học kỹ năng sống	15.000đ/hs/tiết	15.000đ/hs/tiết
	Mức thu dịch vụ gửi xe	0	0
	Mức thu dịch vụ vệ sinh	12.000đ/hs/tháng	9.000đ/hs/tháng
	Mức thu nước uống	0	7.000đ/hs/tháng
	Mức thu làm quen với Tiếng Anh khối 1,2	8.000đ/hs/tiết	8.000đ/hs/tiết

3. Kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí:

STT	Nội dung	Năm báo cáo NH 2024-2025	Năm trước liền kề năm báo cáo NH 2023-2024
1	Hưởng chi phí học tập		
	Số học sinh hưởng chi phí học tập kì I	16	17
2	Hưởng học bổng		
	Số học sinh hưởng học bổng học kỳ 1	02	02

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. **Chi bộ:** Năm 2024: 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, Có 03 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi bộ xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

2. **Chuyên môn:**